

Số: 531b/QĐ-HVTTNVN

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành bản mô tả chương trình đào tạo
trình độ đại học ngành Luật

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 10/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cấp Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam thành cơ sở giáo dục đại học công lập;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 380/QĐ-HVTTNVN ngày 01/10/2021 của Giám đốc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam;

Căn cứ kết quả góp ý, thẩm định của Hội đồng Khoa học và Đào tạo;

Xét đề nghị của phòng Đào tạo và Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành bản mô tả Chương trình đào tạo đại học ngành Luật, mã số: 7380101 (có văn bản chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ khoá tuyển sinh năm học 2023 - 2024.

Điều 3. Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, Khoa Luật và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Học viện;
- Lưu: TC-HC, Khoa Luật.



GIÁM ĐỐC

TS. Nguyễn Hải Đăng

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT

(Ban hành theo Quyết định số 531b/QĐ-HVTTNVN ngày 17 tháng 8 năm 2023
của Giám đốc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam)

1. Giới thiệu chung về Chương trình đào tạo

- Tên, mã số ngành đào tạo:
- + Tên tiếng Việt: Luật
- + Tên tiếng Anh: Law
- + Mã số ngành đào tạo: 7380101
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo chuẩn khoá học: 4 năm
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Văn bằng tốt nghiệp: Bằng cử nhân
- Đơn vị đào tạo và cấp bằng: Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

2. Triết lý và Mục tiêu chương trình đào tạo

2.1. Triết lý giáo dục của Chương trình đào tạo

Triết lý đào tạo cử nhân Luật theo hướng “gắn lý thuyết với thực hành nghề nghiệp” nhằm thực hiện sứ mệnh của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam là đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Đoàn, cung cấp nguồn cán bộ có chất lượng cho Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và hệ thống chính trị; đào tạo đại học, sau đại học cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của xã hội; nghiên cứu, cung cấp các luận cứ về khoa học và thực tiễn cho Trung ương Đoàn quyết định các chủ trương về công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi. Triết lý giáo dục của chương trình đào tạo ngành Luật được thể hiện thông qua:

- *Trong xây dựng chương trình đào tạo:* Khi xây dựng chương trình đào tạo ngành Luật phải gắn với thực tiễn và yêu cầu phát triển của xã hội, kết hợp hài hòa và cân đối về số lượng các học phần và thời lượng giữa lý thuyết với thảo luận, thực hành. Thực hiện rà soát, đánh giá chương trình trên theo quy định của pháp luật và dựa trên cơ sở khảo sát ý kiến phản hồi của người học, của các cơ quan, đơn vị tuyển dụng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực của Học viện đã đào tạo và cung cấp cho xã hội.

- *Trong hoạt động dạy - học:* Áp dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại như: trực quan, phân tích và xử lý tình huống, khuyến khích tư duy phản biện; kết hợp hài hòa những giờ giảng lý thuyết với thực hành và thực tế thông qua việc

giải quyết các tình huống pháp lý, tổ chức phiên tòa giả định, tham quan và khảo sát thực tế tại Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Văn phòng luật, các doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước... Đặc biệt chú trọng mời các giảng viên có trình độ chuyên môn cao ở các cơ sở đào tạo chuyên sâu ngành Luật tham gia giảng dạy cho sinh viên của Học viện.

- *Trong hoạt động nghiên cứu khoa học:* Triển khai thực hiện nghiên cứu khoa học các đề tài xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của đời sống nhằm giải quyết một vấn đề pháp lý cụ thể, trên cơ sở đó đề xuất giải pháp đổi mới, nâng cao hoạt động dạy - học, hoàn thiện chính sách, pháp luật.

- *Trong hoạt động thực hành nghề nghiệp:* Luôn coi trọng hoạt động thực hành luật là hoạt động thể hiện triết lý đào tạo “gắn lý thuyết với thực hành” tại Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Mở rộng đối tượng tham gia và đối tượng thụ hưởng của hoạt động thực hành luật. Khuyến khích giảng viên và sinh viên tham gia hoạt động thực hành luật.

2.2. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học có thể giới quan, phương pháp luận và phẩm chất đạo đức đúng đắn theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, đáp ứng được các chuẩn đầu ra 6 bậc được quy định trong Khung trình độ Quốc gia Việt Nam, phù hợp, gắn kết với sứ mệnh, tầm nhìn và định hướng phát triển của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam; có kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên môn và chuyên sâu về pháp luật; có tư duy pháp lý, có khả năng nghiên cứu, phản biện, phân tích, đánh giá, kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật; có ý thức tôn trọng và thực hiện pháp luật; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả; được rèn luyện để có sức khỏe tốt, có khả năng sáng tạo, giải quyết những vấn đề pháp lý góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

2.3. Các mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo cử nhân Luật của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam nhằm trang bị cho người học có đầy đủ các kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm gắn với đặc thù của Học viện, cụ thể:

PO1: Có kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hoá, lịch sử, tâm lý, khoa học quản lý làm nền tảng cho việc tiếp nhận, nghiên cứu kiến thức về nhà nước và pháp luật.

PO2: Có kiến thức cơ bản về đào tạo ngành luật bao gồm khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành; đảm bảo người học có nền tảng kiến thức lý luận toàn diện, chuyên sâu, vững chắc về kiến thức thực tiễn. Trên cơ sở đó quản lý, điều hành trong lĩnh vực nhà nước và pháp luật; cùng thực tiễn thực thi pháp luật trong các lĩnh vực hành chính, dân sự, lao động, hình sự, đất đai, thương

mại, sở hữu trí tuệ, công chứng, chứng thực, nghiệp vụ tố tụng và các lĩnh vực khác của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế.

PO3: Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng động, sáng tạo trong công việc như kỹ năng xử lý công việc hành chính, kỹ năng nghề luật, kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng, kỹ năng tư vấn pháp luật dân sự, đất đai, lao động, hành chính.

PO4: Có kỹ năng thực thi pháp luật, phản biện, đánh giá, kiến nghị, đề xuất hoàn thiện quy định của pháp luật.

PO5: Có phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị, khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; có trách nhiệm nghề nghiệp. Có khả năng tự đánh giá hiệu quả công việc, tự định hướng phát triển chuyên môn và khả năng khởi nghiệp.

3. Thông tin tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam công bố đầu năm dương lịch.

- Hình thức tuyển sinh: Tuyển thẳng, xét học bạ và theo kết quả thi tốt nghiệp THPT với các tổ hợp theo đề án tuyển sinh của Học viện hằng năm.

- Dự kiến quy mô tuyển sinh: 750 sinh viên

- Chỉ tiêu: 400

- Hình thức đào tạo: Chính quy - tập trung

4. Chuẩn đầu ra

4.1. CDR về Kiến thức

PLO1: Vận dụng được hệ thống kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách, pháp luật của Nhà nước để học tập, nghiên cứu và làm việc suốt đời.

PLO2: Vận dụng được kiến thức nền tảng, phương pháp luận, tư duy khoa học xã hội; nghiên cứu khoa học, kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc nhóm...vào thực hành, nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật.

PLO3: Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành, cốt lõi của ngành về luật dân sự, luật kinh tế, luật hành chính, luật thương mại, luật lao động, luật hình sự, luật tài chính, luật đất đai, luật hôn nhân và gia đình và các lĩnh vực khác trong hệ thống pháp luật vào giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn và các vấn đề liên quan của nghề luật.

PLO4: Vận dụng được kiến thức chuyên ngành nâng cao về sở hữu trí tuệ, công chứng, chứng thực, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, nghiệp vụ tố tụng và các lĩnh vực khác trong hệ thống pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn.

4.2. CDR về Kỹ năng

PLO5: Vận dụng được kiến thức pháp lý có liên quan để thực hành một số kỹ năng nghề nghiệp như kỹ năng xử lý công việc hành chính, giải quyết tranh chấp dân sự, đàm phán và soạn thảo hợp đồng, tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân gia đình và lĩnh vực lao động; có khả năng thực hành nghề luật tại các đơn vị sử dụng lao động.

PLO6: Giải quyết các vấn đề/tình huống trong công việc và cuộc sống theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và các phương pháp nghiên cứu phục vụ cho công việc.

PLO7: Tra cứu văn bản pháp luật, phân tích và giải thích pháp luật, lựa chọn và áp dụng đúng các quy định pháp luật để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

PLO8: Thực hiện việc tham mưu, đề xuất, tham gia xây dựng và phản biện xã hội, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến thanh thiếu nhi và vị trí việc làm.

PLO9: Soạn thảo văn bản pháp luật, văn bản hành chính và các hợp đồng thông dụng. Thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu, thông tin pháp lý.

PLO10: Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho cộng đồng xã hội nói chung và thanh thiếu nhi nói riêng

PLO11: Tư vấn pháp lý, tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.

PLO12: Có khả năng sử dụng ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 20/02/2014).

PLO13: Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (gồm đủ 6 mô đun cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014).

4.3. CDR về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO14: Trung thành với Tổ quốc; có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; có ý thức về trách nhiệm công dân; chăm chỉ, nhiệt tình, sáng tạo; có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học; có đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp và chủ động trong công việc

PLO15: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm và có khả năng chịu trách nhiệm trong điều kiện làm việc thay đổi; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân, thể hiện tinh thần khởi nghiệp hoặc học tập suốt đời. Hình thành bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng, tích cực chủ động tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho cộng đồng xã hội nói chung, đoàn viên, thanh thiếu niên nói riêng, góp phần nâng cao ý thức pháp luật cho công dân, tổ chức.

5. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên ngành Luật sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm các công việc ở

các cơ quan, tổ chức sau đây:

- Làm việc trong hầu hết các cơ quan nhà nước bao gồm: Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Thi hành án, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước; Văn phòng Chính phủ; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp, các Sở, Phòng, Ban; Thanh tra, Công an, Kiểm lâm, Thuế, Hải quan, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh

- Làm việc trong các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã - hội nghề nghiệp như: Tổ chức Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội nông dân, Hội phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Liên đoàn lao động, Hội luật gia, Liên minh hợp tác xã Việt Nam

- Làm việc tại các văn phòng luật, công ty luật, văn phòng công chứng, văn phòng thừa phát lại, trung tâm trọng tài; làm việc trong các tổ chức kinh tế ở các vị trí chuyên viên tư vấn pháp luật trong các lĩnh vực thương mại, đầu tư, xuất nhập khẩu, lao động; tham gia đàm phán, soạn thảo, ký kết hợp đồng cho doanh nghiệp; tham gia giải quyết các tranh chấp trong kinh doanh, thương mại cho doanh nghiệp; làm chuyên viên hành chính - nhân sự cho các doanh nghiệp.

- Tham gia giảng dạy các môn học thuộc chuyên ngành luật, môn pháp luật đại cương và một số môn học khác (giáo dục công dân) cho các cơ sở giáo dục; tham gia nghiên cứu pháp luật trong các cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Luật có thể tiếp tục học lên các bậc sau đại học như thạc sỹ, tiến sỹ; tham gia các lớp đào tạo nghề luật như thẩm phán, công chứng, luật sư, thừa phát lại ...

6. Cấu trúc và nội dung Chương trình đào tạo

6.1. Khối lượng học tập và thời gian đào tạo

- Khối lượng học tập: 120 tín chỉ, chưa kể các học phần Giáo dục thể chất (3TC) và Giáo dục quốc phòng - an ninh (8TC).

Phân bổ theo các khối kiến thức như sau:

+ Kiến thức giáo dục đại cương: 41 tín chỉ, trong đó học phần bắt buộc là 37 tín chỉ, các học phần tự chọn là 04 tín chỉ (chưa kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh)

+ Kiến thức cơ sở ngành: 15 tín chỉ, trong đó các học phần bắt buộc là 15 tín chỉ, các học phần tự chọn là 0 tín chỉ.

+ Ngành và chuyên ngành: 54 tín chỉ, trong đó các học phần bắt buộc là 40 tín chỉ, các học phần tự chọn là 14 tín chỉ.

+ Thực tập tốt nghiệp và làm khoá luận tốt nghiệp hoặc tương đương: 10 tín chỉ

+ Tỷ lệ tín chỉ thực hành, thực tập/tổng số tín chỉ là: 43/77

- Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá: 04 năm.

- Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khoá học: 6 năm.

- Phương thức tổ chức đào tạo: Đào tạo theo tín chỉ.

- Hình thức đào tạo: Chính quy.

6.2. Khung chương trình dạy học

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1. Kiến thức giáo dục đại cương (32 tín chỉ) - không bao gồm Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng)			
1.1. Lý luận chính trị (11 tín chỉ)			
1	CT1101	Triết học Mác - Lênin	3
2	CT1102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
3	CT1103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	CT1104	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2
5	CT1105	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
1.2. Khoa học xã hội (15 tín chỉ)			
6	XH1106	Tâm lý học đại cương	2
7	XH1107	Xã hội học đại cương	2
8	TN1108	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
9	CT1109	Khoa học quản lý	2
10	CT1111	Khởi nghiệp trong thanh niên	2
11	TN1115	Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu niên	3
12	TN1116	Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu niên	2
1.3. Ngoại ngữ (6 tín chỉ)			
13	CB1113	Tiếng Anh 1	3
14	CB1114	Tiếng Anh 2	3
1.4. Tin học - Khoa học tự nhiên (5 tín chỉ), giáo dục thể chất, quốc phòng - an ninh			
15	CB1112	Tin học đại cương	3

16	CB1110	Thống kê trong khoa học xã hội	2
17	CB1121	Giáo dục thể chất	3
18	CB1122	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8
1.5. Các học phần tự chọn (chọn 2/4 học phần; 4/8 tín chỉ)			
19	CB1117	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2
20	CB1118	Vũ Quốc tế	2
21	NN1119	Môi trường và phát triển bền vững	2
22	CT1120	Logic học đại cương	2
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (79 tín chỉ)			
2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành (15 tín chỉ)			
23	L12021	Lý luận về nhà nước và pháp luật	3
24	D12022	Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị	2
25	L12023	Luật Hiến pháp	3
26	L12024	Luật Hành chính	3
27	L12025	Luật Dân sự	4
2.2. Kiến thức của ngành (35 tín chỉ)			
2.2.1. Kiến thức bắt buộc (29 tín chỉ)			
28	L12026	Luật Tổ tụng dân sự	2
29	L12027	Luật Hình sự	4
30	L12028	Luật Tổ tụng hình sự	2
31	L12029	Luật Lao động	3
32	L12030	Luật Đất đai	3
33	L12031	Luật Thương mại	3
34	L12032	Luật Hôn nhân gia đình	3
35	L12033	Công pháp quốc tế	3

36	L12034	Pháp luật về phòng, chống tham nhũng	2
37	L13044	Luật Tài chính	2
38	CB12035-L	Tiếng Anh 3	2
2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 3/6 học phần; 6/12 tín chỉ)			
39	L12036	Luật Tổ tụng hành chính	2
40	L12037	Tư pháp quốc tế	2
41	L12038	Luật Môi trường	2
42	L12039	Luật Sở hữu trí tuệ	2
43	L12040	Luật An sinh xã hội	2
44	L12041	Luật cạnh tranh	2
2.3. Kiến thức chuyên ngành			
2.3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc (11 tín chỉ)			
45	L13042	Pháp luật về công chứng, chứng thực	2
46	L13043	Pháp luật về thanh tra và khiếu nại, tố cáo	2
47	L13045	Pháp luật về quyền con người	2
48	L13046	Tư pháp cho người chưa thành niên	2
49	L14047	Thực tập nghề nghiệp	3
2.3.1. Kiến thức chuyên ngành tự chọn (chọn 4/7 học phần; 8/14 tín chỉ)			
50	L13048	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động	2
51	L13049	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	2
52	L13050	Kỹ năng giải quyết tranh chấp dân sự	2
53	L13051	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính	2
54	L15052	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	2
55	L15053	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng thương mại	2

56	L15054	Luật Thương mại quốc tế	2
2.4. Thực tập tốt nghiệp (4 tín chỉ), Khóa luận và tương đương 6 tín chỉ			
57	L14055	Thực tập tốt nghiệp	4
58	L15056	Khoá luận tốt nghiệp hoặc học 3 học phần trong khối kiến thức tự chọn mà sinh viên chưa học thay thế khoá luận tốt nghiệp	6

6.3. Kế hoạch đào tạo theo năm

NĂM THỨ NHẤT (HỌC KỲ 1-2)

HỌC KỲ 1			
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Triết học Mác-Lênin	3	Không
2	Lý luận về nhà nước và pháp luật	3	Không
3	Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu niên	3	Không
4	Tâm lý học đại cương	2	Không
5	Tin học đại cương	3	Không
6	Khởi nghiệp trong thanh niên	2	Không
Tổng		16	
HỌC KỲ 2			
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	Triết học Mác-Lênin
2	Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị	2	Triết học Mác-Lênin

3	Luật Hiến pháp	3	Không
4	Chọn 01 học phần tự chọn trong khối kiến thức giáo dục đại cương	2	Không
5	Luật Dân sự	4	Lý luận về nhà nước và pháp luật
6	Luật Hành chính	3	Lý luận về nhà nước và pháp luật
7	Xã hội học đại cương	2	Không
Tổng		18	

NĂM THỨ HAI (HỌC KỲ 3-4)

HỌC KỲ 3			
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin
2	Luật Hình sự	4	Lý luận về nhà nước và pháp luật
3	Luật Hôn nhân và gia đình	3	Luật Dân sự
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Không
5	Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu niên	2	Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu niên
6	Tiếng Anh 1	3	Không
7	Khoa học quản lý	2	Không
Tổng		18	
HỌC KỲ 4			
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Triết học Mác-Lênin
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

3	Thống kê trong KHXH	2	Không
4	Tiếng Anh 2	3	Tiếng Anh 1
5	Luật Đất đai	3	Luật Hình sự
6	Công pháp quốc tế	3	Luật Hình sự
7	Lựa chọn 1 học phần tự chọn trong khối kiến thức giáo dục đại cương	2	
Tổng		17	

NĂM THỨ BA (HỌC KỲ 5-6)

HỌC KỲ 5			
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Luật Tố tụng hình sự	2	Luật Hình sự
2	Luật Lao động	3	Luật Dân sự
3	Lựa chọn 1 học phần các học phần tự chọn của khối kiến thức ngành	2	
4	Tiếng Anh 3	2	Tiếng Anh 2
5	Luật Thương mại	3	Luật Dân sự
6	Luật Tố tụng dân sự	2	Luật Dân sự
Tổng		14	
HỌC KỲ 6			
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Lựa chọn 1 học phần các học phần tự chọn của khối kiến thức ngành	2	
2	Luật Tố tụng hành chính	2	Luật Hành chính

3	Pháp luật về phòng, chống tham nhũng	2	Luật Hành chính
4	Tư pháp cho người chưa thành niên	2	Luật Hình sự
5	Pháp luật về thanh tra và khiếu nại, tố cáo	2	Luật Hành chính
6	Pháp luật về quyền con người	2	Luật Hiến pháp
7	Pháp luật về công chứng, chứng thực	2	Luật Hành chính
8	Thực tập chuyên ngành	3	Các ngành luật
Tổng		17	

NĂM THỨ TƯ (HỌC KỲ 7-8)

HỌC KỲ 7			
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Luật Tài chính	2	Luật Dân sự
2	Lựa chọn 4 học phần trong các học phần tự chọn của kiến thức chuyên ngành tự chọn	8	Các học phần chung của ngành
Tổng		10	
HỌC KỲ 8			
TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
1	Thực tập tốt nghiệp	4	Hoàn thành kiến thức giáo dục chuyên ngành
2	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học 3 học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp trong các học phần thuộc kiến thức tự chọn ngành và chuyên ngành	6	Theo đề cương học phần
Tổng		10	

6.4. Về tổ chức đào tạo tiếng Anh

Theo Quy định của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

6.5. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học theo tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 380/QĐ-HVTTNVN, ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Cụ thể:

1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:
 - a. Tích lũy đủ số học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
 - b. Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
 - c. Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh; các học phần Giáo dục thể chất; chứng chỉ hoặc chứng nhận ngoại ngữ, công nghệ thông tin theo quy định của Học viện;
 - d. Hoàn thành “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;
 - đ. Tại thời điểm xét tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
 - d. Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Giám đốc Học viện quy định;
 - e. Có đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.
2. Hằng năm, Học viện tổ chức xét tốt nghiệp cho các sinh viên đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp. Hội đồng xét tốt nghiệp do Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được uỷ quyền làm Chủ tịch, Phó Giám đốc làm Phó Chủ tịch, phòng Đào tạo làm Thư ký; thành viên là các trưởng khoa và Phó trưởng phòng Đào tạo phụ trách công tác sinh viên.
3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Giám đốc Học viện ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành các nghĩa vụ với Học viện.

7. Phương pháp dạy học, đánh giá kết quả học tập

7.1. Phương pháp, công nghệ dạy học

STT	Phương pháp dạy học	Mô tả
1	Phương pháp thuyết giảng	Thuyết giảng là phương pháp dạy - học bằng lời nói của giảng viên để trình bày kiến thức mới, tổng kết những kiến thức mà sinh viên đã tiếp nhận một cách có hệ thống. Phương pháp này cho phép giảng viên truyền đạt những nội dung lý thuyết tương đối khó, phức tạp, chứa đựng nhiều thông tin mà sinh viên khó tự tìm hiểu

		được một cách sâu sắc. Phương pháp thuyết giảng được sử dụng chủ yếu trong giờ học lý thuyết và được đan xen với các phương pháp giảng dạy khác để đạt được hiệu quả truyền đạt cao nhất.
2	Phương pháp bài tập	Bài tập là phương pháp dạy - học trong đó giảng viên giao bài tập cho sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp hoặc sau giờ học. Trong giờ bài tập, giảng viên có thể tổ chức thảo luận, chữa bài tập. Bài tập có thể là những câu hỏi vận dụng lý thuyết đã học để giúp cho sinh viên củng cố kiến thức hoặc yêu cầu nghiên cứu một hoặc một vài chủ đề thuộc nội dung đã học hoặc sẽ học trong giờ lên lớp tiếp theo. Bài tập có thể được thiết kế dưới dạng tình huống giả định, trắc nghiệm, câu hỏi tự luận để kích thích sự hào hứng của sinh viên.
3	Phương pháp làm việc nhóm	Làm việc nhóm là phương pháp dạy - học trong đó giảng viên tổ chức sinh viên thành các nhóm nhỏ (5-7 người) hoặc sinh viên tự tổ chức các nhóm học tập để ôn tập, nghiên cứu, làm bài tập... Mỗi thành viên trong nhóm vừa có trách nhiệm tự học tập, vừa có trách nhiệm chia sẻ, giúp đỡ các thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ học tập. Phương pháp làm việc nhóm đề cao tinh thần hợp tác, khả năng tổ chức, điều hành, phát triển nhóm, hình thành thái độ chuyên nghiệp khi làm việc tập thể, rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong học tập cho sinh viên; giúp cho giảng viên nắm được thông tin ngược từ phía người học.
4	Phương pháp thảo luận	Thảo luận là phương pháp dạy - học trong đó giảng viên tổ chức cuộc đối thoại giữa sinh viên với nhau hoặc giữa sinh viên với giảng viên hoặc cả hai cách thức trên nhằm huy động trí tuệ của sinh viên để đưa ra những giải pháp, kiến nghị hoặc những quan niệm mới để giải quyết một vấn đề. Thảo luận có thể giúp sinh viên khai thác được nhiều khía cạnh của một vấn đề, giúp phát triển khả năng trao đổi, trình bày suy nghĩ và quan điểm một cách rõ ràng, phát triển năng lực phân tích, tổng hợp.
5	Phương pháp thực hành	Thực hành là phương pháp dạy - học trong đó giảng viên làm mẫu và giải thích từng bước thực hiện một công việc cụ thể; sinh viên bắt chước làm theo, thực hiện với tài liệu hướng dẫn, thực

		hiện thành thạo và sáng tạo. Phương pháp này củng cố trí nhớ, tinh lọc và trau chuốt các kỹ năng đã học, tạo cơ sở cho việc xây dựng kỹ năng nhận thức ở mức độ cao hơn.
6	Phương pháp nghiên cứu tình huống	Nghiên cứu tình huống là một phương pháp dạy - học trong đó giảng viên cung cấp cho sinh viên tình huống cụ thể, sinh viên tìm hiểu, phân tích và hành động trong tình huống đã cho. Phương pháp này có các ưu điểm nổi bật như tăng tính thực tiễn của môn học, nâng cao tính chủ động, sáng tạo, hứng thú học tập của sinh viên. Khi thực hiện phương pháp này, giảng viên có thể chia lớp học theo các nhóm quan điểm và đề nghị các nhóm phản biện, bảo vệ quan điểm trong khi giảng viên đóng vai trò trọng tài. Kết thúc phần nghiên cứu tình huống, giảng viên có thể nêu quan điểm của mình và giải đáp những vấn đề mà các nhóm/cá nhân đưa ra liên quan đến tình huống. Để tăng tính thực tiễn, giảng viên có thể sử dụng bản án để thực hiện phương pháp dạy - học này.
7	Phương pháp vấn đáp	Vấn đáp là phương pháp hỏi đáp trong dạy học, trong đó giảng viên đặt ra câu hỏi, kích lệ và gợi mở để sinh viên dựa vào kiến thức đã học mà trả lời nhằm rút ra những kiến thức mới hoặc củng cố kiến thức cũ. Phương pháp này phát huy sự tiếp thu một cách chủ động, tích cực, sáng tạo của sinh viên bằng cách yêu cầu họ phải vận dụng các thao tác logic trong tư duy. Phương pháp vấn đáp trong dạy - học ngành luật phải hướng tới sự đàm thoại hai chiều, hình thành tư duy phản biện độc lập, biết cách lập luận và bảo vệ quan điểm, hình thành và phát triển kỹ năng nói, diễn đạt ý tưởng, lời cuốn và tạo không khí học tập sôi nổi trong lớp học.
8	Phương pháp tự học	Tự học là hình thức tổ chức dạy - học cơ bản ở bậc đại học, đặc biệt là trong đào tạo theo học chế tín chỉ. Tự học là một hình thức hoạt động nhận thức của cá nhân nhằm nắm vững hệ thống tri thức và kỹ năng do chính bản thân người học tiến hành ngoài giờ học ở lớp, theo hoặc không theo chương trình đã được qui định. Tự học giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng tìm kiếm thông tin, tra cứu tài liệu và khám phá tri thức; rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp và tổng quát hóa tri thức; rèn luyện đức tính kiên trì, tư duy phê

		phán và ý chí phấn đấu; bồi dưỡng hứng thú học tập, say mê nghiên cứu khoa học và nâng cao khả năng học tập suốt đời.
9	Phương pháp thực tập	Thực tập là phương pháp dạy - học trong đó người học thực hiện một hoặc một nhóm công việc cụ thể tại một đơn vị sử dụng lao động, người phụ trách thực tập quan sát, hướng dẫn và nhận xét chất lượng và tiến độ hoàn thành công việc của người học. Thực tập tạo cơ hội cho người học áp dụng những kiến thức đã học trong trường, tiếp cận, tìm hiểu thực tiễn công việc pháp lý, qua đó rèn luyện kỹ năng nghề luật, góp phần hình thành định hướng nghề nghiệp phù hợp với bản thân. Trong tổ chức phương pháp thực tập, sinh viên luật được đăng ký đi thực tập tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp như các cơ quan nhà nước tại trung ương và địa phương, hệ thống Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân các cấp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công ti, văn phòng luật sư, công chứng, thừa phát lại, bộ phận pháp chế của ngân hàng, doanh nghiệp, các tổ chức khác có thực hiện công việc pháp lý... Sinh viên tổng hợp hoạt động thực tập của mình thành nhật kí và viết báo cáo thực tập để nhà trường kiểm tra, đánh giá.
10	Phương pháp diễn án	Thực hành diễn án là phương pháp diễn một phiên Tòa giả định. Giảng viên lấy một tình huống pháp luật giả định (vụ án dân sự, vụ án hình sự...) phù hợp với từng học phần sinh viên đang học. Giảng viên giao cho sinh viên nghiên cứu hồ sơ "vụ án", phân vai diễn và cho sinh viên thực hành diễn án tại giảng đường. Trước khi phiên Tòa giả định diễn ra giảng viên làm mẫu và giải thích từng bước thực hiện một phiên Tòa và công việc cụ thể của từng vai diễn; sinh viên nhận vai diễn tự nghiên cứu và viết kịch bản, thực hiện với tài liệu hướng dẫn, thực hiện thành thạo và sáng tạo. Tại buổi diễn án, sinh viên sẽ thực hiện đầy đủ, đúng quy trình như phiên Tòa thực tế có sự giám sát của giảng viên. Phương pháp này giúp sinh viên được trải nghiệm và nhìn nhận được tổng quát, đầy đủ kiến thức học phần đã học, ghi nhớ sâu kiến thức của lý thuyết, tích lũy được kinh nghiệm thực tế, tinh lọc và trau chuốt các kỹ năng đã

		học, tạo cơ sở cho việc xây dựng kỹ năng nhận thức ở mức độ cao hơn.
--	--	--

Công nghệ dạy học: Giảng dạy trực tiếp kết hợp trực tuyến qua các phần mềm Microsoft Teams; Zoom... Sử dụng các công cụ hỗ trợ như Power Point, video, phóng sự,...

7.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Trọng số
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	10%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên.	10%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	
4	Bài kiểm tra định kì	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thuyết trình.	20%
5	Bài thi kết thúc học phần	Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung đánh giá chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	60%

		Phương pháp đánh giá: Thi tự luận (thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập tình huống). Thời gian: 90 phút	
--	--	--	--

Dự kiến rà soát, thay đổi phương pháp đánh giá trong chương trình đào tạo: Phương pháp đánh giá kết quả học tập được rà soát, thay đổi theo sự rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo (5 năm một lần).

8. Đội ngũ giảng viên, nhân viên

Các Khoa Bộ môn: Học viện thành lập đảm bảo đủ các khoa, bộ môn để tổ chức giảng dạy các học phần thuộc kiến thức đại cương, tối thiểu khối ngành, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

Đội ngũ giảng viên cơ hữu của ngành học: Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo đảm bảo giảng dạy tối thiểu 70% khối lượng chương trình đào tạo (tính theo giờ chuẩn của giảng viên), trong đó mỗi bộ môn/khoa có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu; ít nhất 05 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình đào tạo.

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập

- Học viện đảm bảo đủ các phòng học lý thuyết, phòng thực hành đáp ứng mục tiêu các học phần. Học viện ký biên bản hợp tác với các cơ quan, đơn vị để gửi sinh viên đến thực hành, các cơ sở thực tập cộng đồng đáp ứng mục tiêu đào tạo.

Thư viện của Học viện có diện tích 750m², trong đó:

- Diện tích phòng đọc: 265m²
- Số chỗ ngồi: 60 ghế
- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 04 máy, có kết nối Internet
- Phần mềm quản lý thư viện: Ilibme
- Phần mềm tra cứu văn bản: Cloud Office
- Số lượng sách, giáo trình các loại: 58.611 cuốn
- Số đầu giáo trình dùng cho chương trình đào tạo: 102 cuốn

10. Mô tả tóm tắt các học phần

STT	Học phần	Mô tả tóm tắt học phần
1	Triết học Mác-Lênin Phylosophy of Marxist - Leninist MHP: CT1101	Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của các ngành học của HVTTN VN. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó sinh viên có được kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các hiện tượng của tự nhiên,

		xã hội và tư duy trên lập trường duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật; xây dựng được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng vào việc nhận thức, cải tạo thế giới; xây dựng được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin Leninism - Marxism - Political Economics MHP: CT1102	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của các ngành học của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của học thuyết Kinh tế chính trị của chủ nghĩa Mác-Lênin về hàng hóa, sản xuất hàng hóa và sản xuất hàng hóa trong phương thức sản xuất TBCN; về những vấn đề kinh tế chính trị cơ bản của Việt Nam trong tiến trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Từ đó, sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để hiểu, giải thích và bình luận được các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế; hình thành kỹ năng tư duy, tầm nhìn của người học khi tham gia vào hệ thống các hoạt động kinh tế xã hội. Sinh viên có ý thức bảo vệ, phổ biến những nguyên lý cơ bản của kinh tế chính trị Mác-Lênin, đấu tranh chống những quan điểm sai trái và tăng cường bản lĩnh chính trị, tính chủ động.
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism MHP: CT1103	Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác- Lênin và là một trong những môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của tất cả các ngành ở Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những vấn đề lý luận của chủ nghĩa xã hội và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Sau khi học xong học phần, người học có kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn; có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định, tích cực đấu tranh chống các quan điểm sai trái và các biểu hiện tiêu cực trong đời sống xã hội.
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party MHP: CT1104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc các môn lý luận chính trị trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Học phần gồm 3 chương, trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về sự ra đời của Đảng; quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền; kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ; lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Từ đó, giúp người học nâng cao nhận thức lý luận và niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng, khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, góp phần xây dựng

		và bảo vệ Tổ quốc.
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's Ideology MHP: CT1105	Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc thuộc các môn lý luận chính trị trong chương trình đào tạo trình độ đại học các ngành của Học viện. Học phần gồm 7 chương, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh: nguồn gốc, quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước của dân, do dân và vì dân, đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức, con người. Từ đó, góp phần hình thành nhân sinh quan, thế giới quan, củng cố lập trường, quan điểm cách mạng, bồi dưỡng niềm tin, tình cảm cách mạng, tiếp thêm sức mạnh cho sinh viên về ý chí và hành động phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng của cách mạng Việt Nam.
6	Tâm lý học đại cương General psychology MHP: XH 1106	Tâm lý học đại cương là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương của ngành Luật và các ngành đào tạo cử nhân của Học viện. Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.
7	Xã hội học đại cương General Sociology MHP: XH1107	Xã hội học đại cương là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương của ngành Luật và các ngành đào tạo cử nhân của Học viện. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học đại cương: Chương 1, những vấn đề chung về xã hội học gồm đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của xã hội học và mối quan hệ giữa xã hội học với các môn học khác, sự ra đời và phát triển của xã hội học, các khái niệm hành về động xã hội, tương tác xã hội, cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội, bất bình đẳng xã hội và xã hội hóa; Chương 2, cung cấp cho sinh viên các phương pháp nghiên cứu và các bước tiến hành một cuộc điều tra xã hội học; Chương 3 môn học đi sâu vào nghiên cứu một số lĩnh vực chuyên biệt đó là xã hội học thanh niên và xã hội học về dư luận xã hội.
8	Phương pháp nghiên cứu khoa học Methodology of Scientific of research MHP: CT1108	Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của các ngành học của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Bản chất của khoa học và nghiên

		cứu khoa học; phương pháp luận nghiên cứu khoa học; các phương pháp và kỹ năng nghiên cứu khoa học; trang bị cho sinh viên các nguyên tắc cơ bản trong việc nghiên cứu khoa học, các phương pháp để viết một đề cương nghiên cứu khoa học chi tiết hoặc khóa luận tốt nghiệp. Ngoài ra, học phần cũng giúp học viên rèn luyện kỹ năng thu thập thông tin để tham khảo tài liệu một cách có hệ thống và logic. Từ đó, sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để chủ động trong việc đăng ký thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường cũng như tiến hành khóa luận tốt nghiệp một cách khoa học và thành công.
9	Khoa học quản lý Management Science MHP: CT1109	Khoa học quản lý là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương của ngành Luật và một số ngành cử nhân khác của Học viện. Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản về khoa học quản lý như cơ sở hình thành hoạt động quản lý và ngành khoa học quản lý; các quan niệm, vai trò và các yếu tố cấu thành của một hệ thống quản lý, các nhân tố tác động đến hiệu quả quản lý tổ chức, các đặc điểm của khoa học quản lý; Các lịch sử tư tưởng và lý thuyết quản lý từ phương đông, phương Tây thời kỳ cổ đại, trung đại và hiện đại; Học phần mô tả các hoạt động trong hệ thống quản lý bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo điều hành, quản lý nhân lực, kiểm soát. Các nguyên tắc, công cụ và phương pháp quản lý; Phân tích và thiết kế tổ chức; Thông tin trong quản lý; Quyết định quản lý và nhà lãnh đạo trong quản lý tổ chức. Từ đó hình thành thái độ đúng đắn khi trở thành thành viên trong các tổ chức, có những hành vi, ứng xử phù hợp khi quản lý là tất yếu của tổ chức.
10	Khởi nghiệp trong thanh niên Entrepreneurship among Youth MHP: CT1111	Khởi nghiệp trong thanh niên là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương của ngành Luật và các ngành đào tạo cử nhân của Học viện. Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề phương pháp luận và phương pháp cụ thể về quá trình khởi nghiệp trong thanh niên. Các vấn đề lý luận về khởi nghiệp trong thanh niên tập trung vào các con đường mưu sinh cơ bản như: làm chủ, đầu tư, thực hiện kinh doanh theo hình thức nền kinh tế chia sẻ... Đồng thời, với quan điểm khởi nghiệp sáng tạo, thì khởi nghiệp trong thanh niên cũng có thể hiểu là tạo ra nhưng sản phẩm đột phá, sử dụng những công nghệ mới, xây dựng các mô hình kinh doanh mới nhằm khơi gợi các giá trị tiềm ẩn và có thể lặp lại được, mở rộng. Vì vậy, mục tiêu kiến thức của học phần là giúp sinh viên xây dựng những lý luận cơ bản cho thanh niên bắt đầu các hoạt động khởi nghiệp theo các cách khởi nghiệp truyền

		thống. Đồng thời giúp sinh viên hiểu được những vấn đề cốt lõi trong việc lựa chọn ý tưởng khởi nghiệp, lập dự án khởi nghiệp trong thanh niên và điều hành dự án khởi nghiệp trong thanh niên.
11	Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu nhi Theory and Methods of youth work MHP: TN1115	Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu nhi học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương của ngành Luật và các ngành đào tạo cử nhân của Học viện. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác thanh thiếu nhi. Môn học bao gồm 5 chương, cụ thể: Chương 1: Nhập môn Những vấn đề cơ bản về Đoàn, Hội, Đội; Chương 2: Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về thanh niên và công tác thanh niên; Chương 3: Những vấn đề cơ bản về Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Chương 4: Những vấn đề cơ bản về Hội LHTN Việt Nam và Hội Sinh viên Việt Nam; Chương 5: Những vấn đề cơ bản về Đội TNTP Hồ Chí Minh.
12	Kỹ năng Tổ chức các hoạt động thanh thiếu nhi Skills in organizing youth activities MHP: TN1116	Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu nhi là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương của ngành Luật và các ngành đào tạo cử nhân của Học viện. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu nhi; chức năng, vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của kỹ năng này. Sinh viên biết phân tích cấu trúc kỹ năng tổ chức các hoạt động, vận dụng thành thực các kỹ năng xây dựng và thực hiện quy trình tổ chức các hoạt động, qua đó có thái độ phù hợp trách nhiệm, chuyên nghiệp, tâm huyết, sáng tạo, vận dụng vào chuyên ngành học, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.
13	Tiếng Anh 1 English 1 MHP: CB1113	Tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thông dụng nhất về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, văn bản và giao tiếp tiếng Anh. Học phần không đi sâu mô tả và phân tích các yếu tố ngôn ngữ và văn hóa mà thông qua bài học giúp sinh viên hiểu và vận dụng được những yếu tố văn học, ngôn ngữ thông dụng nhất để phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trong các tình huống thông dụng, phù hợp và linh hoạt trong từng ngữ cảnh cụ thể. Đồng thời môn học cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng đọc hiểu và viết cơ bản.
14	Tiếng Anh 2 English 2 MHP: CB1114	Tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Trên cơ sở kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh mà sinh viên đã học ở học phần Tiếng Anh 1, học phần Tiếng Anh 2 bổ sung, ôn lại các cấu trúc ngữ pháp đã học trong học phần trước, tiếp tục giới

		thiếu các cấu trúc ngữ pháp mới và tăng cường vốn từ vựng với mức độ cao hơn nhằm vào các mục tiêu giúp sinh viên sử dụng Tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng lĩnh hội và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp phức tạp hơn.
15	Tin học đại cương General informatics MHP: CB1112	Tin học đại cương là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thông tin, dữ liệu, phần mềm, hệ điều hành Windows, kiến trúc máy tính; kiến thức cơ bản về Internet, cách phân biệt hệ thống mạng, chia sẻ tài nguyên mạng và khai thác thông tin, tài nguyên trên mạng nhằm mục đích tự trang bị cho bản thân phương pháp học tập công nghệ mới; các kỹ năng cơ bản trong việc thao tác, sử dụng một số phần mềm thông dụng như Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint.
16	Thống kê trong khoa học xã hội Statistics for social sciences MHP: CB1110	Thống kê trong khoa học xã hội là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương của ngành Luật và các ngành đào tạo cử nhân của Học viện. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về lý thuyết thống kê, các ứng dụng của thống kê; phương pháp thống kê mô tả và thống kê suy diễn; các kiến thức sử dụng phần mềm thống kê; ứng dụng kiến thức lý thuyết đã học trong thực hành bằng phần mềm thống kê. Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên vận dụng được phương pháp chọn lọc, xây dựng các bảng dữ liệu thống kê từ các nguồn khác nhau; giải thích được các số liệu và kết quả xử lý thống kê trong nghiên cứu; ứng dụng được tối thiểu một phần mềm thống kê trong xử lý dữ liệu nghiên cứu thực tế.
17	Cơ sở văn hoá Việt Nam Basic Vietnamese Culture MHP: CB1117	Cơ sở văn hoá Việt Nam là học phần tự chọn trong khối kiến thức giáo dục đại cương của ngành Luật và một số ngành cử nhân khác. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cơ sở hình thành và phát triển của nền văn hóa Việt Nam. Môn học được chia làm 4 nội dung lớn, sắp xếp theo một trình tự logic, phù hợp với phát triển tư duy của người học. Cụ thể, môn học cung cấp những kiến thức liên quan đến: Các khái niệm cơ bản (Khái niệm văn hóa, văn minh, môi trường tự nhiên, xã hội, tiếp xúc và giao lưu văn hóa); Cấu trúc, thiết chế và chức năng của văn hóa (các hình thái và mô hình văn hóa, những thành tố của văn hóa, chức năng và cấu trúc của văn hóa); Diễn trình lịch sử của văn hóa Việt Nam (từ thời tiền sử đến nay); Không gian văn hóa Việt Nam (các vùng văn hóa Tây Bắc, Việt Bắc, đồng bằng Bắc bộ, Trung bộ, Tây Nguyên, Nam bộ).
18	Vũ Quốc tế	Vũ quốc tế là học phần tự chọn trong khối kiến thức

	International Dance MHP: CB1118	giáo dục đại cương của ngành Luật và một số ngành khác. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn khiêu vũ. Cụ thể, học phần hướng dẫn người học những kỹ thuật cơ bản được quốc tế hóa của một số điệu nhảy: Ba cha ta, SamBa, Rumba, ChaChaCha, Slow waltz, Tango và một số điệu nhảy khiêu vũ tập thể (Macarena, Bachata,...). Bên cạnh đó, học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về giao tiếp văn hóa nghệ thuật, nâng cao năng lực thẩm mỹ cho sinh viên.
19	Môi trường và phát triển bền vững Environment and sustainable development) MHP: NN 1119	Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản về môi trường, các vấn đề môi trường toàn cầu và ở Việt Nam hiện nay. Làm rõ hai mô hình phát triển bền vững và phát triển không bền vững đang được duy trì trên thế giới. Học phần cũng tập trung làm sáng tỏ những vấn đề về môi trường và phát triển bền vững ở hai vùng kinh tế sinh thái cơ bản là nông thôn và đô thị. Từ đó giúp sinh viên nhận diện được 6 cản trở cần khắc phục để hướng tới phát triển bền vững và định hướng chiến lược bảo vệ môi trường và phát triển bền vững tại Việt Nam.
20	Logic học đại cương General Logic MHP: CT1120	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản để hiểu biết về tư duy một cách có hệ thống, sâu sắc và toàn diện. Hiểu được đối tượng của khoa học lôgic học đại cương, về vị trí, vai trò ; ý nghĩa và tầm quan trọng của việc học tập môn học này. Hình thành và rèn luyện kỹ năng tư duy lôgic một cách chặt chẽ, chính xác, đúng đắn, khoa học tiến đến xây dựng văn hoá tư duy. Nhận dạng được những dạng lỗi lôgic của tư duy. Xử lý được các tình huống trong nhận thức và hoạt động thực tiễn khi tư duy phải tuân thủ các quy luật lôgic. Xây dựng phương pháp tư duy đúng đắn trong hoạt động nghiên cứu khoa học và thực tiễn. Rèn luyện kỹ năng tư duy, biết bảo vệ những tư tưởng đúng, tăng khả năng nhận thức, khám phá của con người đối với thế giới.
21	Lý luận về nhà nước và pháp luật Theory of state and Law MHP: L12021	Lý luận nhà nước và pháp luật là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành của ngành Luật, ngành Quản lý nhà nước và ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức: Nguồn gốc, bản chất, các kiểu, chức năng, hình thức của nhà nước và pháp luật; Các nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước, hình thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước; các khái niệm, hiện tượng pháp lý cơ bản như: quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật, ý thức pháp luật, thực hiện pháp luật, giải thích pháp luật, điều chỉnh pháp luật...

22	Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị The party leads the political system MHP: D12022	Học phần trang bị cho người học kiến thức về sự lãnh đạo của Đảng đối với Hệ thống chính trị. Sau khi nghiên cứu xong môn học này, người học phải nắm được một cách logic kiến thức về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội. Người học phải tiến tới vận dụng một cách nhuần nhuyễn kiến thức đã học để nhận thức, lý giải các vấn đề của thực trạng Đảng lãnh đạo Hệ thống chính trị nhằm đề ra phương hướng và giải pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Hệ thống chính trị trong giai đoạn hiện nay. Đồng thời, rèn luyện thuần thục phương thức Đảng lãnh đạo Hệ thống chính trị, tạo thành kỹ năng trong hoạt động thực tiễn của mình để giải quyết các công việc cụ thể, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của thực tiễn Đảng lãnh đạo Hệ thống chính trị. nhằm giáo dục phẩm chất chính trị, thái độ đúng đắn đối với hoạt động Đảng lãnh đạo Hệ thống chính trị. Đó là, xây dựng, củng cố, tăng cường tư tưởng, lập trường giai cấp công nhân, niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Hệ thống chính trị. Từ đó, nhằm tạo ra hành vi tích cực của người học đối với hoạt động Đảng lãnh đạo Hệ thống chính trị.
23	Luật Hiến pháp Constitutional law MHP: L12023	Luật Hiến pháp là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành của ngành Luật và ngành Quản lý nhà nước. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về các nhóm vấn đề: Những vấn đề lý luận cơ bản về luật Hiến pháp và khoa học Luật hiến pháp; Chế độ chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Quyền con người, quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân; Tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước...
24	Luật Hành chính Administrative law MHP: L12024	Luật hành chính là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về ngành luật hành chính, chủ thể của Luật Hành chính, về quản lý hành chính nhà nước; vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp kiểm tra, giám sát đối với hoạt động quản lý hành chính nhà nước. Đó là những kiến thức cần thiết cho việc xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thiện pháp luật trong quản lý hành chính nhà nước; bảo đảm quản lý có hiệu quả và bảo hộ tích cực các quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong quản lý hành chính nhà nước.
25	Luật dân sự Civil law MHP: L12025	Luật dân sự là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức: địa vị pháp lý, chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử của cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể về nhân thân và tài sản trong các quan hệ dân sự, hôn nhân

		và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động; cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý cơ bản về tài sản, quyền sở hữu, giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự, nghĩa vụ dân sự, thừa kế, bồi thường thiệt hại. Ngoài ra, học phần sẽ cung cấp cho người học kỹ năng nhận diện, phát hiện loại quan hệ pháp luật dân sự, từ đó tuân thủ pháp luật là tránh xảy ra các tranh chấp dân sự. Bước đầu hình thành kỹ năng giải các tình huống phát sinh trên thực tế trong lĩnh vực dân sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.
26	Luật tố tụng dân sự Procedural Civil Law MHP: L12026	Luật tố tụng dân sự là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp lý về trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan và tổ chức tại tòa án. Đối tượng nghiên cứu của môn học là những vấn đề lý luận về luật tố tụng dân sự, nội dung các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và thực tiễn thực hiện tại cơ quan tư pháp.
27	Luật hình sự Criminal Law MHP: L12027	Luật hình sự là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật. Học phần được cấu tạo bởi hai phần: Luật Hình sự phần chung và Luật Hình sự phần các tội phạm nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức: Lý luận về tội phạm, cấu thành tội phạm, các giai đoạn thực hiện tội phạm, đồng phạm, những tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi, trách nhiệm hình sự và hình phạt, hệ thống hình phạt và các biện pháp tư pháp. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức một số nhóm tội phạm cụ thể, đặc trưng của từng nhóm tội; những dấu hiệu pháp lý đặc trưng của từng tội phạm cụ thể trong Bộ luật Hình sự.
28	Luật tố tụng hình sự Law on Criminal Procedures MHP: L12028	Luật tố tụng hình sự là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật. Học phần cung cấp cho sinh viên tổng hợp tất cả kiến thức về các thủ tục trong tố tụng hình sự, bao gồm những nội dung về: trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự; các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự. Đồng thời, học phần giúp sinh viên hiểu về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, quyền và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức và công dân có liên quan.
29	Luật Lao động Labor Law	Luật lao động là học phần bắt buộc trong khối kiến thức của ngành, học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng, ban

	MHP: L12029	hành, thực thi các chế định về quan hệ lao động và các vấn đề thuộc lĩnh vực lao động - xã hội. Bên cạnh các vấn đề lí luận chung, các nội dung pháp luật được nghiên cứu chủ yếu bao gồm: việc làm, học nghề, quan hệ hợp đồng lao động, quyền công đoàn và vấn đề đại diện lao động, thoả ước lao động tập thể, quản lí lao động trong doanh nghiệp, chế độ tiền lương, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, tranh chấp lao động, đình công. Song song với việc nghiên cứu các vấn đề pháp lí của Việt Nam, môn học luật lao động còn nghiên cứu các vấn đề lao động quốc tế (trong khuôn khổ các quy tắc pháp lí lao động của Tổ chức lao động quốc tế - ILO) và của khu vực.
30	Luật đất đai Land Law MHP: L12030	Luật đất đai là học phần bắt buộc trong khối kiến thức của ngành, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Luật đất đai, giúp sinh viên nhận thức được chế độ sở hữu toàn dân đối với đất đai ở Việt Nam, về khái niệm luật đất đai, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật đất đai, các nguyên tắc cơ bản của luật đất đai, quan hệ pháp luật đất đai, nguồn của luật đất đai. Chế độ quản lí nhà nước đối với đất đai như hệ thống cơ quan quản lí nhà nước đối với đất đai, nội dung quản lí nhà nước đối với đất đai, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, chế độ sử dụng đất, giải quyết tranh chấp đất đai. Những kiến thức này cần thiết cho việc tổ chức thực hiện; bảo đảm quản lí có hiệu quả và bảo hộ tích cực các quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong quản lí nhà nước về đất đai.
31	Luật thương mại Law in Commerce MHP: L12031	Luật thương mại là học phần bắt buộc trong khối kiến thức ngành của ngành Luật. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thương nhân và hành vi thương mại. Bên cạnh đó, Luật thương mại còn cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức về giải quyết tranh chấp thương mại, đặc biệt là giải quyết tranh chấp thương mại ngoài tòa án. Đối với học phần này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức quan trọng về những hoạt động thương mại do thương nhân tiến hành: hoạt động mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thương mại, trung gian thương mại, xúc tiến thương mại, đấu thầu, đấu giá, dịch vụ logistics và một số hoạt động thương mại khác,... Học phần còn cung cấp cho sinh viên các vấn đề pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, đặc biệt là giải quyết tranh chấp thương mại ngoài tòa án. Đó là những hiểu biết về trọng tài thương mại, bản chất, các hình thức của tổ tụng trọng tài, ưu điểm và hạn chế của hình thức này.
32	Luật Hôn nhân gia đình	Luật Hôn nhân và gia đình là học phần bắt buộc

	Marriage and Family Law MHP: L12032	trong khối kiến thức của ngành, học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các hình thái hôn nhân và gia đình trong lịch sử; khái niệm và các đặc điểm của hôn nhân; khái niệm và các chức năng cơ bản của gia đình; các nguyên tắc cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình; quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình; kết hôn và hủy việc kết hôn trái pháp luật; quyền và nghĩa vụ nhân thân giữa vợ và chồng; chế độ tài sản của vợ chồng; chấm dứt hôn nhân; các trường hợp chia tài sản chung của vợ chồng; căn cứ phát sinh quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con; quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con và giữa các thành viên khác trong gia đình; cấp dưỡng; các quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.
33	Công pháp quốc tế Public International Law MHP: L12033	Công pháp quốc tế là học phần bắt buộc trong khối kiến thức của ngành, học phần cung cấp những kiến thức lí luận cơ bản về hệ thống pháp luật quốc tế. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho sinh viên kiến thức về các ngành, chế định và những vấn đề cụ thể của hệ thống pháp luật quốc tế như luật điều ước quốc tế, luật biển quốc tế, luật ngoại giao, lãnh sự, luật tổ chức quốc tế, trách nhiệm pháp lí quốc tế...
34	Pháp luật về phòng chống tham nhũng Anti-Corruption Law MHP: L12034	Pháp luật về phòng, chống tham nhũng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành của ngành Luật và ngành Quản lý nhà nước. Học phần cung cấp cho sinh viên ngành luật hệ thống kiến thức lý luận cơ bản về khái niệm, đặc điểm của các hành vi tham nhũng; nguyên nhân, tác hại của tham nhũng; nội dung và vai trò của công tác phòng, chống tham nhũng; các biện pháp phòng, chống tham nhũng. Bên cạnh đó, học phần tập trung nghiên cứu hệ thống các quy định pháp luật Việt Nam về phòng, chống tham nhũng và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác phòng, chống tham nhũng.
35	Luật tài chính Financial Law MHP: L13044	Luật tài chính là học phần bắt buộc trong khối kiến thức của ngành, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật ngân sách và pháp luật thuế. Qua học phần này, người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về chính sách tài chính công cũng như nội dung pháp luật hiện hành điều chỉnh hoạt động tài chính công của Việt Nam.
36	Tiếng Anh 3 English 3 MHP: CB12035-L	Tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức ngành. Học phần cung cấp cho sinh viên các nội dung kiến thức tiếng Anh chuyên ngành Luật và các kỹ năng ngôn ngữ ở trình độ trung cấp. Các chủ đề chính bao gồm: legal systems (hệ thống pháp luật), legal professionals (chuyên gia pháp lý),

		civil law (luật dân sự), criminal law (luật hình sự), business law (luật doanh nghiệp), contract (hợp đồng), employment law (luật lao động), economic law (luật kinh tế), commercial law (luật thương mại) và international law (luật quốc tế). Ngoài ra, sinh viên còn được tiếp cận với nhiều chủ đề hữu ích, quen thuộc khác trong lĩnh vực Luật học ở các bài học mở rộng (phần tự học). Các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy độc lập, logic, tích cực và năng động được chú trọng thông qua các hoạt động nghe, nói, đọc, viết, dịch.
37	Luật Tổ tụng hành chính Law on Administrative Procedures MHP: L12036	Luật tổ tụng hành chính là học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở của ngành, học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tài phán hành chính; ngành luật tổ tụng hành chính; quyền và nghĩa vụ pháp lý tổ tụng hành chính của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; thủ tục giải quyết các vụ án hành chính và thi hành án hành chính. Những kiến thức này cần thiết cho việc xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thiện pháp luật tổ tụng hành chính; bảo đảm giải quyết hiệu quả các vụ án hành chính và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong quá trình thực thi quyền hành pháp trong tổ tụng hành chính.
38	Tư pháp quốc tế Private International Law MHP: L12037	Tư pháp quốc tế là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân Luật. Tư pháp quốc tế cung cấp cho sinh viên các vấn đề chung về tư pháp quốc tế bao gồm: Đối tượng, phương pháp điều chỉnh của tư pháp quốc tế; các nguyên tắc của tư pháp quốc tế Việt Nam; nguồn của tư pháp quốc tế. Nghiên cứu khái quát về xung đột pháp luật và giải quyết xung đột pháp luật trong quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài; chủ thể của tư pháp quốc tế; tổ tụng dân sự quốc tế và trọng tài quốc tế
39	Luật Môi trường Environment Law MHP: L12038	Pháp luật môi trường là học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở ngành, học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng về vấn đề lý luận và thực tiễn trong việc xây dựng, ban hành, thực thi các quy định về bảo vệ môi trường.
40	Luật Sở hữu trí tuệ Law on Intellectual Property MHP: L12039	Pháp luật về sở hữu trí tuệ là học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở ngành, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận chung về luật sở hữu trí tuệ như: đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của luật sở hữu trí tuệ, vấn đề đối tượng của sở hữu trí tuệ, xác lập quyền, thời hạn bảo hộ, quyền và nghĩa vụ của chủ thể, cơ chế bảo hộ.
41	Luật An sinh xã hội Social Security Law	Pháp luật an sinh xã hội là học phần tự chọn trong khối kiến thức bổ trợ, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về vai trò, bản chất chức năng của

	MHP: L12040	ASXH, các chính sách ASXH; Nghiên cứu khái quát về bảo hiểm xã hội và bảo hiểm xã hội trong hệ thống ASXH; Nghiên cứu các hình thức của hệ thống ASXH đó là bảo hiểm xã hội, cứu trợ xã hội, ưu đãi xã hội, chính sách xóa đói giảm nghèo và quỹ dự phòng. Bên cạnh đó học phần cũng nghiên cứu về bảo hiểm thương mại trong hệ thống ASXH, các dịch vụ hỗ trợ ASXH. Học phần cũng đề cập đến việc nâng cao nhận thức về ASXH và giới thiệu về cơ quan quản lý nhà nước về ASXH.
42	Luật Cạnh tranh Competition Law MHP: L12041	Luật cạnh tranh là học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần giúp sinh viên hiểu và nắm vững quy định pháp luật về các hành vi hạn chế cạnh tranh như thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị thế độc quyền, tập trung kinh tế. Bên cạnh đó, những quy định pháp luật về hành vi cạnh tranh không lành mạnh như chỉ dẫn gây nhầm lẫn, xâm phạm bí mật kinh doanh, gây rối hoạt động doanh nghiệp khác, quảng cáo nhằm cạnh tranh không lành mạnh ... cũng được làm sáng tỏ. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng phân tích, đánh giá những quy định pháp luật, nhận biết được ranh giới giữa hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh và hành vi không vi phạm. Mặt khác, những vấn đề về tố tụng liên quan đến các hành vi vi phạm luật cạnh tranh cũng được trình bày giúp sinh viên có được hiểu biết cơ bản về chế tài, cơ quan có thẩm quyền xử lý và trình tự thủ tục xử lý các vụ việc cạnh tranh.
43	Pháp luật về công chứng và chứng thực Certifi and Notary Law MHP: L10342	Pháp luật về công chứng và chứng thực là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành, học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản về tổ chức, hoạt động công chứng, chứng thực. Qua đó, đáp ứng các yêu cầu thiết yếu của cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong lĩnh vực công chứng, chứng thực và các vấn đề có liên quan. Học phần cũng cung cấp các vấn đề lý luận chung về hoạt động công chứng, chứng thực; quản lý nhà nước về công chứng, chứng thực; các thủ tục thực hiện công chứng và thực hiện chứng thực trong thực tế.
44	Pháp luật thanh tra, khiếu nại, tố cáo Law on inspection and settlement of complaints denunciations MHP: L13043	Pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành, học phần cung cấp những kiến thức lý luận và kỹ năng thực tiễn về cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan thanh tra, quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo dưới góc độ là một trong những nội dung của hoạt động quản lý hành chính nhà nước.
45	Pháp luật về quyền con	Pháp luật về quyền con người là học phần thuộc

	người Human rights Law MHP: L13045	khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc. Nội dung của học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quyền con người như khái niệm, nguồn gốc, tính chất, đặc điểm, phân loại quyền con người; các quyền con người trong các lĩnh vực dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa và quyền của một số nhóm người dễ bị tổn thương được quy định trong luật pháp quốc tế; giới thiệu về hệ thống pháp luật quốc tế cũng như các cơ chế quốc tế và khu vực trong việc đảm bảo và thúc đẩy quyền con người. Đồng thời, học phần cung cấp các thông tin về quan điểm, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quyền con người cũng như cơ chế bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam.
46	Tư pháp cho người chưa thành niên Justice of Adolescents MHP: L13046	Tư pháp cho người chưa thành niên là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành, học phần cung cấp các kiến thức pháp lý- thực tiễn về những vấn đề chính sách, pháp luật liên quan đến thanh niên và trẻ em, bao gồm: phát triển thanh niên, quản lý nhà nước về công tác thanh niên, chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em,... Ngoài ra, học phần cung cấp những kỹ năng cơ bản, chuyên sâu về tâm lý thanh niên, trẻ em, phương pháp làm việc cùng thanh niên và trẻ em trên thực tế. Trong quá trình học tập, sinh viên sẽ được hướng dẫn tìm hiểu về khái niệm, bản chất đặc thù, nội dung cơ bản của pháp luật về thanh niên và trẻ em cũng như những vấn đề về chính sách, pháp luật liên quan đến các đối tượng này đang đặt ra trên thực tế.
47	Thực tập nghề nghiệp Professional practice MHP: L14047	Thực tập chuyên ngành là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành. Đây là hình thức tổ chức đưa sinh viên xuống các cơ sở thực tập để tập làm các công việc của một người vận dụng kiến thức luật vào các công việc được giao trong một thời gian nhất định. Trong học phần này, sinh viên sẽ vận dụng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ về nghề luật để học hỏi, quan sát công việc tại một đơn vị có liên quan đến công tác pháp luật. Thông qua đó tiếp cận với môi trường thực tế để tìm hiểu và lên kế hoạch thực hiện một, một số nhiệm vụ cụ thể, hiểu và vận dụng được các quy định của pháp luật về nghề luật, các quy tắc đạo đức, ứng xử của nghề luật đã được học vào thực tiễn đạo đức, ứng xử của nghề luật đã được học vào thực tiễn.
48	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động Legal consulting skills in the field of Labor	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong hoạt động tư vấn pháp luật lao động như: Tư vấn các loại hợp đồng trong lĩnh vực lao động (hợp đồng lao động, hợp đồng đào tạo

	MHP: L13048	nghề, hợp đồng trong lĩnh vực đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài); kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án lao động và kỹ năng tham gia giải quyết tranh chấp lao động tại toà án.
49	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai Legal consulting skills in the field of Land MHP: L13049	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần giúp cho sinh viên nâng cao nhận thức và rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích, nhận định và đánh giá hiện tượng, vụ việc trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa pháp luật thực định và thực tiễn triển khai pháp luật về đất đai. Học phần cung cấp những kỹ năng cơ bản, cần thiết, cùng với những kỹ năng riêng, đặc thù để giải quyết những vụ việc, những tình huống phổ biến, điển hình trong lĩnh vực đất đai xảy ra trong thực tế. Trên cơ sở các kỹ năng được trang bị, sinh viên biết vận dụng để xử lý, giải quyết các vụ việc, các tình huống xảy ra trong thực tế có liên quan đến đất đai từ đơn giản đến phức tạp.
50	Kỹ năng giải quyết các tranh chấp dân sự Civil dispute resolution skills MHP: L13050	Kỹ năng giải quyết các tranh chấp dân sự là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành, học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tổ chức và hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp dân sự; các kỹ năng trong hoạt động giải quyết các tranh chấp dân sự trong thực tế.
51	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính Legal consulting skills in the administrative field MHP: L13051	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng thực hành tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính như: Khái niệm, đặc điểm, vai trò kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính; chủ thể tư vấn trong lĩnh vực hành chính; đối tượng tư vấn; nội dung tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính; Kỹ năng đại diện ngoài tổ tụng; kỹ năng tư vấn pháp luật về khiếu nại hành chính và thủ tục hành chính.
52	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình Marriage and family counseling Skills MHP: L13052	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần giúp cho sinh viên nâng cao nhận thức và rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích, nhận định và đánh giá các vụ việc trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa pháp luật thực định và thực tiễn triển khai. Học phần cung cấp những kỹ năng cơ bản, cần thiết, cùng với những kỹ năng riêng, đặc thù để giải quyết những vụ việc, những tình huống phổ biến, điển hình trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình có thể xảy ra trong thực tế. Trên cơ sở các kỹ năng được trang bị, sinh viên biết vận dụng để xử lý, giải quyết các

		vụ việc, các tình huống xảy ra trong thực tế có liên quan đến lĩnh vực hôn nhân và gia đình.
53	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng thương mại Negotiating Skills, Drafting and Executing Skills MHP: L13053	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng thương mại là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng trong đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng. Học phần bổ sung cho sinh viên các kỹ năng tham gia đàm phán, soạn thảo và thực hiện các hợp đồng thương mại
54	Luật Thương mại quốc tế International Comercial Law MHP: L13054	Luật Thương mại quốc tế là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành. Học phần đề cập đến những vấn đề pháp lý cơ bản trong kinh doanh quốc tế như khái niệm và đặc điểm của pháp luật kinh doanh quốc tế, các hệ thống pháp luật kinh doanh quốc tế chủ yếu trên thế giới, nguyên lý chung về hợp đồng kinh doanh quốc tế, phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh quốc tế. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho người học những cơ sở pháp lý cho các giao dịch quốc tế phổ biến như: hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế, hợp đồng cung cấp dịch vụ quốc tế, hợp đồng đầu tư quốc tế.
55	Thực tập tốt nghiệp Graduation internship MHP: L15055	Thực tập tốt nghiệp là hình thức tổ chức đưa sinh viên xuống các cơ sở thực tập để tập làm các công việc của một người vận dụng kiến thức luật vào các công việc được giao trong một thời gian nhất định. Trong học phần này, sinh viên sẽ vận dụng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ về nghề luật để tác nghiệp tại một đơn vị. Thông qua đó tiếp cận với môi trường thực tế để tìm hiểu và lên kế hoạch thực hiện một, một số nhiệm vụ cụ thể, hiểu và vận dụng được các quy định của pháp luật về nghề luật, các quy tắc đạo đức, ứng xử của nghề luật đã được học vào thực tiễn.
56	Khóa luận tốt nghiệp Thesis MHP: L15056	Khoá luận tốt nghiệp là một nghiên cứu khoa học, thể hiện khả năng vận dụng tổng hợp các kiến thức, kỹ năng sinh viên đã học để phân tích, giải quyết một vấn đề cụ thể trong lĩnh vực pháp luật, phù hợp với khả năng của sinh viên. Học phần là minh chứng cụ thể trong việc đánh giá, công nhận năng lực của sinh viên.

12. Đánh giá và cải tiến chương trình dạy học

- Thời điểm ban hành Chuẩn đầu ra, Chương trình đào tạo:
- + Ban hành Chương trình đào tạo lần đầu: 2018
- + Ban hành Chuẩn đầu ra lần đầu: 2018

- Số lần đã chỉnh sửa: 3
- + Chương trình đào tạo: 4
- + Chuẩn đầu ra: 4
- Thời điểm chỉnh sửa lần gần nhất: 01/2020
- Các chương trình đào tạo được đối sánh trong quá trình xây dựng, chỉnh sửa
 - + Chương trình đào tạo ngành Luật, Đại học Luật, Đại học Huế
 - + Chương trình đào tạo ngành Luật, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường
 - + Chương trình đào tạo ngành Luật, trường Đại học Kinh tế Luật, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

Chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra được chỉnh sửa theo quy định 05 năm một lần. Công tác cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo được thực hiện thường xuyên, liên tục theo thực tế.

GIÁM ĐỐC



TS. Nguyễn Hải Đăng

